

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 25/11/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huân.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Công N.**

Tên gọi khác: Nhật Thụt.

Sinh: 24/02/1997, tại Đắk Lắk. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông;
Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Chứt; Con ông Đinh Nam T (Chết), con bà Đinh Thị N1 (sinh 1972); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 27/5/2019 bị TAND huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 26/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa chấp hành xong quyết định buộc sung công quỹ nhà nước số tiền 3.812.250đ.

Nhân thân: Ngày 25/02/2022 bị Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, chưa chấp hành.

Ngày 08/6/2015, bị TAND huyện Krông Năng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 40/2015/HSST, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/09/2024 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Bá T1, sinh năm 2001 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thành A, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***Người làm chứng:**

- Chị Đinh Thị N1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

- Anh Nguyễn Phan Khánh D (Dũng B), sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Trần Văn S, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

- Chị Đinh Thị S1, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 12/6/2024, N gọi điện thoại thông qua ứng dụng Messenger của D để gặp Nguyễn Bá T1. Khi T1 nghe máy, N hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 của T1 đi huyện E và hẹn 18 giờ cùng ngày sẽ trả xe thì T1 đồng ý. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T1 mang xe qua nhà cho N mượn và nhờ N chở T1 về lại nhà, sau đó N điều khiển xe đi huyện E. Quá trình cho N mượn xe, T1 không giao giấy tờ xe cũng không nói cho N biết giấy tờ xe để trong cốp xe. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T1 quay về khi đi đến ngã 3 đèo vàng thuộc xã T thì gặp P đang ngồi trong quán cà phê, N vào ngồi cùng. Tại quán cà phê N nói với P “Tôi đi cầm xe đây” thì P trả lời “Cho tôi đi xem với”, sau đó N điều khiển xe mô tô mượn của T1 chở P đến tiệm cầm đồ A, tại thôn G, xã T, huyện K, N nói muốn cầm xe thì O (vợ A - chủ tiệm cầm đồ) gọi điện cho A về. Khoảng 05 phút sau A về tới, N nói muốn cầm xe với giá 18.000.000đ, A yêu cầu đưa giấy tờ xe để kiểm tra thì N lấy giấy chứng nhận đăng ký xe và căn cước công dân mang tên Nguyễn Bá T1 trong cốp xe đưa cho A. Sau khi kiểm tra giấy tờ xe và hiện trạng xe thì A đồng ý cầm xe với giá 18.000.000đ, A giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe, chụp hình căn cước công dân và trả lại cho N. Số tiền cầm xe N mang đi trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi cầm xe của T1, N gọi điện cho chị gái và anh rể nhờ cầm giấy biên nhận cầm đồ về cho mẹ ruột nhờ chuộc xe ra giúp. Mặc dù đã cầm xe của T1 nhưng tối ngày 12/6/2024 N vẫn nhắn tin cho T1 hẹn ngày mai trả xe. Đến ngày 13/6/2024 Trung liên tục đòi xe, nhưng N không trả và thừa nhận rằng đã cầm xe của T1 và không có tiền để lấy xe về trả lại.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 trị giá 35.000.000đ.

Vật chứng vụ án đã thu giữ: 01 Mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 mang tên Nguyễn Bá T1.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Đinh Công N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Đinh Công N khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Đinh Công N mức hình phạt từ 24 đến 28 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Bá T1 01 Mô tô + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Thành A 18.000.000đ.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Thành A: Quá trình nhận cầm cố xe của N, anh A không biết xe mô tô không phải là tài sản của N, nên cơ quan điều tra xử lý hành chính là đúng qui định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Công N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Công N tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vào chiều ngày 12/6/2024 sau khi được anh T1 đồng ý cho mượn xe, bị cáo đã nhận xe mô tô của anh T1 để đi công việc tại huyện E. Sau khi xong việc và quay trở về nhà, lợi dụng

sự tin tưởng của anh T1, bị cáo đã cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 của anh Nguyễn Bá T1 tại hiệu cầm đồ A. Đến ngày 13/6/2024 khi anh T1 yêu cầu N trả xe thì N quanh co, lừa dối chưa xong công việc nên chưa trả xe mặc dù N đã cầm cố xe của anh T1. Giá trị chiếc xe mô tô mà N chiếm đoạt của anh T1 là 35.000.000đ.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

[3] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi của cá nhân mà bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị TAND huyện Krông Năng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Vì vậy, HĐXX thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Về hành vi nhận cầm cố tài sản của anh Nguyễn Thành A: Khi nhận cầm cố xe mô tô BKS 47E1 – 515.97, không biết tài sản này là do Đinh Công N phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Bá T1 01 Mô tô + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 là chủ sở hữu hợp pháp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Nguyễn Thành A yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 18.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh A, nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Công N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Công N 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Bá T1 01 Mô tô + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario 150 màu trắng đen, BKS 47E1 – 515.97 là chủ sở hữu hợp pháp.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Thành A số tiền 18.000.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đinh Công N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 900.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Krông Năng;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc